THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 212 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2019

VĂN PHÒNG ĐĐBQH, HĐND
VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 713
Ngày: 25/2/19
Chuyển: ...

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch và Đề cương tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch và Đề cương tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, Bí thư Tỉnh ủy/Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Cục Phát triển HTX;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, CN, KGVX, QHĐP, PL, TCCV;
- Lưu: VT, NN (2).KN 135

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Vương Đình Huệ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

(Ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Đánh giá kết quả triển khai và tình hình phát triển kinh tế tập thể sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (sau đây gọi là Nghị quyết). Chỉ rõ kết quả đạt được và nội dung còn hạn chế, rút ra những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; đồng thời xác định phương hướng, mục tiêu, nội dung, biện pháp cụ thể trong những năm tiếp theo.

2. Yêu cầu:

- Việc tổng kết Nghị quyết phải tiến hành một cách toàn diện, các bộ, ngành, địa phương phải có báo cáo đầy đủ về công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết và thực trạng các loại hình hợp tác xã trong tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công thương, xây dựng, giao thông vận tải, tín dụng,…

- Việc tổng kết Nghị quyết phải tiến hành đúng trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn, đánh giá cụ thể trong từng ngành, lĩnh vực và khảo sát tại các địa phương mang tính đại diện vùng, miền.

- Việc tổng kết Nghị quyết phải bảo đảm thực chất, tránh hình thức, từ đó có thể tác động tới nhận thức của xã hội về hợp tác xã, hoàn thiện thể chế kinh tế và khắc phục được những bất cập trong thực thi.

- Việc tổng kết Nghị quyết phải đưa ra được phương hướng, mục tiêu, nội dung, biện pháp cụ thể trong những năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thời gian:

a) Thời gian tổ chức thực hiện việc tổng kết: Từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019.

b) Về mốc thời gian xây dựng báo cáo: Sử dụng số liệu về tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã bắt đầu từ thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003 đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018. Quý III năm 2019 sẽ hoàn thành việc tổng kết Nghị quyết để trình Bộ Chính trị kết quả và đề xuất ban hành Nghị quyết mới về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

2. Nội dung và tiến độ triển khai thực hiện:

a) Trong tháng 01 năm 2019, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập tổng kết Nghị quyết; dự thảo Đề cương và Kế hoạch tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 01 năm 2019.

b) Từ tháng 02 năm 2019 đến cuối tháng 4 năm 2019, các Bộ, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Tỉnh ủy/Thành ủy 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành tổng kết và tổ chức hội nghị tổng kết thực hiện Nghị quyết của bộ, ngành, địa phương mình.

- Tỉnh ủy/Thành ủy 63 tỉnh, thành hoàn thiện và gửi báo cáo tổng kết Nghị quyết về Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 15 tháng 5 năm 2019, đồng thời gửi cho các bộ, ngành liên quan tại điểm b nêu trên để tổng hợp.

- Các Bộ, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoàn thiện và gửi báo cáo tổng kết Nghị quyết về cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 15 tháng 6 năm 2019.

- Ngoài ra, một số bộ, ngành thực hiện việc tổng kết, báo cáo chuyên sâu các chuyên đề liên quan và gửi về cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 15 tháng 6 năm 2019 để tổng hợp. Cụ thể như sau:

- Chuyên đề 1: Chính sách bảo hiểm xã hội cho cán bộ quản lý hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì).

- Chuyên đề 2: Chính sách đất đai đối với hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì).

- Chuyên đề 3: Đánh giá kết quả ứng dụng khoa học và công nghệ đối với việc nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã và đề xuất, kiến nghị chính sách (Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì).

- Chuyên đề 4: Chính sách tiếp cận vốn, tín dụng. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì).

- Chuyên đề 5: Chính sách về quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (Bộ Tài chính chủ trì).

- Chuyên đề 6: Chính sách thuế, xóa nợ khê đọng đối với hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (Bộ Tài chính chủ trì).

- Chuyên đề 7: Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đối với hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (Bộ Công Thương chủ trì).

- Chuyên đề 8: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì).

- Chuyên đề 9: Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm đối với hợp tác xã nông nghiệp, chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đối với hợp tác xã nông nghiệp. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì).

- Chuyên đề 10: Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì).

- Chuyên đề 11: Bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã tại các bộ, ngành, địa phương. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (Bộ Nội vụ chủ trì).

- Chuyên đề 12: Vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì).

- Chuyên đề 13: Kinh nghiệm quốc tế về phát triển mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì).

- Chuyên đề 14: Chuyên đề về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hệ thống hợp tác xã tại địa phương (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì).

- Chuyên đề 15: Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW (Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì).

c) Từ tháng 02 năm 2019 đến cuối tháng 4 năm 2019, tiến hành khảo sát một số địa phương và cử thành viên Ban Chỉ đạo đại diện tham dự Hội nghị tổng kết Nghị quyết tại các địa phương:

- Ban Chỉ đạo chủ trì tổ chức 3 đoàn công tác của Ban Chỉ đạo đi khảo sát, nghiên cứu một số mô hình thành công và vướng mắc nổi bật, điển hình ở các vùng miền địa phương với cách làm mới, điển hình về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã:

+ Phía Bắc (bao gồm các tỉnh thuộc Tây Bắc bộ, Đông Bắc bộ và đồng bằng sông Hồng): Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức Đoàn công tác;

+ Miền Trung (bao gồm các tỉnh thuộc Bắc Trung bộ, Nam Trung bộ và Tây Nguyên): Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì tổ chức Đoàn công tác;

+ Miền Nam (bao gồm các tỉnh thuộc vùng Đông Nam bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức Đoàn công tác.

Các cơ quan được giao chủ trì tổ chức Đoàn khảo sát chủ động lên kế hoạch, chương trình, thành phần Đoàn khảo sát và xây dựng, hoàn thiện dự thảo báo cáo kết quả khảo sát. Báo cáo kết quả khảo sát và gửi về cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 15 tháng 5 năm 2019 để tổng hợp.

d) Từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 5 năm 2019: Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức một số đoàn đi nước ngoài nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã.

đ) Từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết.

e) Tháng 8 năm 2019: Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức các hội thảo, hội nghị để lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết và hoàn thiện dự thảo, báo cáo Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

g) Trung tuần tháng 9 năm 2019: Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết tại Hà Nội; hoàn thiện báo cáo tổng kết Nghị quyết, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương để thông qua và ban hành mới Nghị quyết Trung ương về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên cơ sở bổ sung, sửa đổi các nội dung cho phù hợp với thực tiễn.

3. Kinh phí:

a) Kinh phí tổ chức hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết ở bộ, ngành, địa phương nào thì bộ, ngành, địa phương đó quyết định theo quy định hiện hành.

b) Đối với kinh phí phục vụ Ban Chỉ đạo trong việc thực hiện tổng kết Nghị quyết: Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự trù kinh phí phục vụ các hoạt động của Ban Chỉ đạo, của Ban soạn thảo, Tổ biên tập tổng kết Nghị quyết; kinh phí tổ chức một số đoàn của Ban Chỉ đạo đi nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã; kinh phí tổ chức một số đoàn của Ban Chỉ đạo đi khảo sát một số địa phương, địa bàn trọng điểm, có tính chất vùng miền, có mô hình phát triển hợp tác xã hay và điển hình; kinh phí tổ chức các hội thảo, hội nghị để lấy ý kiến về dự thảo Báo cáo tổng kết Nghị quyết; kinh phí tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết.

c) Bộ Tài chính bố trí kinh phí cho Ban Chỉ đạo để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến tổng kết Nghị quyết.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công các đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo là đại diện của các ban, bộ, ngành trực tiếp theo dõi, chỉ đạo các nội dung liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành mình và thay mặt Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo, tham dự Hội nghị tổng kết Nghị quyết của các địa phương, cụ thể như sau:

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 4 tỉnh và 1 thành phố, bao gồm: Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam và thành phố Hà Nội.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Ban Kinh tế Trung ương: 3 tỉnh, bao gồm: Hải Dương, Hải Phòng, Vĩnh Phúc.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Tài nguyên và Môi trường: 2 tỉnh, bao gồm: Bắc Ninh, Thái Bình.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 5 tỉnh, bao gồm: Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Khoa học và Công nghệ: 2 tỉnh, bao gồm: Vĩnh Long, Trà Vinh.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 3 tỉnh, bao gồm: Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Tài chính: 2 tỉnh và 1 thành phố, bao gồm: Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Công Thương: 3 tỉnh, bao gồm: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội: 3 tỉnh, bao gồm: Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Giao thông vận tải: 3 tỉnh, bao gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 3 tỉnh, bao gồm: Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam: 3 tỉnh, bao gồm: Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Xây dựng: 2 tỉnh và 1 thành phố, bao gồm: Quảng Nam, Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: 3 tỉnh, bao gồm: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Ủy ban Dân tộc: 4 tỉnh, bao gồm: Lào Cai, Yên Bái, Điện Biên, Bình Thuận.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Bộ Thông tin và Truyền thông: 3 tỉnh, bao gồm: Hoà Bình, Lai Châu, Sơn La.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam: 6 tỉnh, bao gồm: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Văn phòng Chính phủ: 3 tỉnh, bao gồm: Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh.

- Đồng chí ủy viên Ban Chỉ đạo đại diện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 2 tỉnh và 1 thành phố: Ninh Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các ban, bộ, ngành khác có liên quan: Theo dõi, chỉ đạo tổng kết các nội dung thuộc phạm vi quản lý của mình liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

3. Các ban, bộ, ngành liên quan và các địa phương khẩn trương tổ chức thực hiện việc tổng kết Nghị quyết bảo đảm có hiệu quả, chất lượng, đúng thời gian quy định.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tham gia vào việc tuyên truyền trong quá trình tiến hành tổng kết Nghị quyết.

5. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tích cực đôn đốc các bộ, ngành có liên quan và các địa phương tiến hành tổng kết Nghị quyết bảo đảm hiệu quả và tiến độ theo kế hoạch./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vương Đình Huệ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG
Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

(Ban hành kèm theo Quyết định số 212/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Khái quát mục tiêu, vai trò, vị trí của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã và căn cứ tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Khái quát quá trình tổ chức tổng kết;

- Kết cấu của báo cáo tổng kết.

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Ở trung ương: Các bộ, ban, ngành, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức hội và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Ở địa phương: Tỉnh ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo đổi mới phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã các cấp, Liên minh Hợp tác xã các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

II. CÔNG TÁC THỂ CHẾ HOÁ CHỦ TRƯƠNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Quốc hội: Luật Hợp tác xã năm 2003, năm 2012, Nghị quyết số 32/QH14...

2. Chính phủ, các bộ, ngành: Nghị định, Quyết định, Chỉ thị, Thông tư; Chương trình, kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

3. Các địa phương:

- Cơ chế, chính sách cụ thể hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Phần thứ hai
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ 15 NĂM QUA

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Về thống nhất nhận thức trong quan điểm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Về xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận tiện cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển.

3. Về sửa đổi, bổ sung hoàn thiện một số cơ chế, chính sách.

a) Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

b) Về chính sách đất đai.

c) Về chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

d) Về chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.

đ) Về chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.

e) Về chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

g) Về chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

h) Về chính sách thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

i) Về chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế.

k) Về chính sách ưu đãi lệ phí đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

l) Về các chính sách khác:

.....

4. Về nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước

- Đánh giá về công tác thành lập và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã: Việc thành lập bộ máy quản lý, bố trí cán bộ và thực hiện phân công quản lý nhà nước về kinh tế tập thể ở các cấp trung ương, tỉnh, huyện và xã (đối với ngành Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh);

- Đánh giá về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể của bộ, ngành đối với địa phương; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của hợp tác xã, của cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật; thực hiện tổng kết, đánh giá định kỳ và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Đánh giá về việc thực hiện chế độ báo cáo về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 (Điều 24, 25);

- Đánh giá về việc xây dựng Chương trình phát triển kinh tế tập thể;

- Đánh giá về việc rà soát, bổ sung, xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể thuộc phạm vi quản lý;

- Đánh giá về bộ máy quản lý chuyên trách thích hợp (các bộ có vụ, sở có phòng quản lý kinh tế tập thể);

- Đánh giá về xây dựng Kế hoạch và tổ chức đào tạo cán bộ cho kinh tế tập thể;

- Đánh giá về thí điểm những nội dung của Nghị quyết khác với quy định hiện hành;

.....

5. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

-

-

.....

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ 15 NĂM QUA

1. Về tổ hợp tác

- Tổng hợp số liệu và đánh giá sự phát triển của các loại hình tổ hợp tác hiện nay (số lượng, số thành viên, số tổ có đăng ký, cơ cấu tổ hợp tác trong các lĩnh vực...); so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm 31 tháng 12 năm 2003;

- Tính chất và trình độ phát triển của các tổ hợp tác;

- Tình hình và kết quả hoạt động của các tổ hợp tác, vai trò của tổ hợp tác trong việc giúp các hộ thành viên phát triển sản xuất kinh doanh và nâng cao thu nhập, đời sống, góp phần xoá đói giảm nghèo; so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003;

- Kết quả việc khắc phục các hạn chế, khó khăn của tổ hợp tác (về nhận thức, về pháp lý, về mô hình và công tác quản lý, về các biện pháp trợ giúp,...);

- Những hạn chế, khó khăn và những vấn đề mới phát sinh của tổ hợp tác hiện nay.

2. Về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Tình hình phát triển hợp tác xã: số lượng, quy mô, mức góp vốn, mô hình tổ chức và kết quả hoạt động (so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003). Các loại hình hợp tác xã mới (hợp tác xã môi trường, hợp tác xã kinh doanh quản lý chợ, hợp tác xã của thanh niên, hợp tác xã nhà ở, hợp tác xã trường học...):

+ Số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003), trong đó có số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập mới; số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng hợp tác xã đã chuyển đổi, giải thể;

+ Số thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003) trong đó số lượng thành viên mới tham gia vào hợp tác xã; số hợp tác xã thành viên mới tham gia vào liên hiệp hợp tác xã; số lao động làm việc trong khu vực hợp tác xã tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003), số lao động mới.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các hợp tác xã trong từng ngành, lĩnh vực, vùng (so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003).

+ Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018), trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003.

+ Tổng doanh thu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổng lợi nhuận của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018); tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003.

+ Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018); tăng/giảm so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003.

+ Đóng góp của khu vực hợp tác xã vào tổng sản phẩm của địa phương và của nền kinh tế (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 và so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003).

+ Tổng số nợ đọng của hợp tác xã tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 (chia theo giai đoạn phát sinh nợ từ trước ngày 01 tháng 01 năm 1997 và từ ngày 01 tháng 01 năm 1997 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018), tổng số nợ đọng của thành viên với hợp tác xã.

+ Tổng số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã 2012.

- Những chuyển biến của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về phương thức hoạt động, đầu tư, liên kết, liên doanh, sản xuất gắn với chuỗi giá trị của hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác;

- Năng lực nội tại của các hợp tác xã: về vốn; về cơ sở vật chất; về cán bộ quản lý và người lao động làm việc trong các hợp tác xã; về công tác tổ chức, quản lý trong hợp tác xã.... (so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003);

- Số liên hiệp hợp tác xã và vai trò của các liên hiệp hợp tác xã (so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003);

- Hiệu quả kinh tế và xã hội của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, vai trò của hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới, xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội khác trong cộng đồng (so sánh số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2003).

(Chi tiết các nội dung về số liệu đề nghị bổ sung thêm các chỉ tiêu theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm Đề cương).

3. Một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nổi bật, điển hình với cách làm mới:

-

-

....

4. Một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị:

-

-

....

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đã đạt được so với mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết

- So với mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết;

- So với các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện mà Nghị quyết đã giao cho bộ, ngành, địa phương;

- So với yêu cầu cụ thể hoá bằng các văn bản để thực hiện Luật Hợp tác xã;

- So với yêu cầu của thực tiễn.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Về tiến độ, tính đồng bộ, tính khả thi của các văn bản thể chế hoá Nghị quyết;

- Về kết quả khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm của các cấp uỷ đảng và chính quyền từ trung ương đến địa phương mà Nghị quyết đã nêu như: chưa thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò, tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; chưa quan tâm đúng mức công tác tuyên truyền chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể chưa giải toả được tâm lý hoài nghi với hợp tác xã; quản lý nhà nước còn bất cập (bộ máy và cán bộ chuyên trách quản lý hợp tác xã, tổ chức chỉ đạo, thi hành Luật Hợp tác xã và một số chính sách đã ban hành, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hợp tác xã,...);...

- Về huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động;

- Về kết quả khắc phục những hạn chế như: Năng lực nội tại yếu; số hợp tác xã làm ăn có hiệu quả còn ít; lợi ích đem lại cho thành viên chưa nhiều; kinh tế tập thể chiếm tỷ trọng thấp trong tổng sản phẩm xã hội, chưa đủ sức đảm nhiệm tốt vai trò cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân....;

- Các tồn tại, hạn chế khác: ….

3. Nguyên nhân của những yếu kém, tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan;

- Nguyên nhân chủ quan.

4. Bài học kinh nghiệm

- Công tác tuyên truyền, học tập, phổ biến Nghị quyết;

- Công tác tham mưu, đề xuất với các cấp ủy đảng, chính quyền;

- Công tác tổ chức, thực hiện Nghị quyết;

- Công tác tư vấn, hỗ trợ đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Các bài học kinh nghiệm khác: …..

Phần thứ ba
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC, KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

1. Bối cảnh trong nước và thế giới

a) Bối cảnh trong nước

- Nhu cầu sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng, an ninh lương thực;

- Triển vọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Sự biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế, thách thức, cạnh tranh sản phẩm hàng hóa;

- Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về kinh tế tập thể: Luật Hợp tác xã 2012; hợp tác xã tham gia chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp;

- Các bối cảnh khác: ….

b) Bối cảnh thế giới:

- Xu thế và nhu cầu sản phẩm hàng hóa an toàn, chất lượng ngày càng cao, đặc biệt là các hàng nông sản;

- Xu thế phát triển hợp tác xã trên thế giới;

- Xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, cạnh tranh gay gắt;

- Phát triển mô hình hợp tác xã trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0;

- Các bối cảnh khác: ….

2. Xu hướng hợp tác, liên kết trong sản xuất, thương mại

- Yêu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chất lượng, an toàn, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm;

- Xu hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tập trung đòi hỏi phải đẩy mạnh thực hiện liên kết ngang giữa những người sản xuất và liên kết dọc theo chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu;

- Về lựa chọn mô hình hợp tác, liên kết trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm;

- Các xu hướng khác: …..

II. QUAN ĐIỂM

1. Về vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới vẫn là xu hướng lựa chọn phát triển, đặc biệt là đối với cư dân nông nghiệp, nông thôn; là phương thức để cư dân nông nghiệp, nông thôn thoát nghèo và vươn lên làm giàu ?

2. Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, tăng cường đầu tư của nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho kinh tế tập thể, trong đó hợp tác xã nông nghiệp là nòng cốt ?

3. Về khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia; tạo điều kiện hình thành những tổ hợp nông - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao.

4. Các quan điểm khác: ….

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Về củng cố, đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ? Đối với lĩnh vực nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp cần gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp ?

- Về ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao và sản phẩm từ nghề truyền thống qua mô hình hợp tác xã kiểu mới?

- Thông qua hình thức kinh tế tập thể, hợp tác xã để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các thành viên hợp tác xã ?

- Các mục tiêu khác: …

2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2025 và 2030

a) Về mục tiêu đến năm 2025:

- Tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ phát triển khoảng … Tổ hợp tác; ..... hợp tác xã; ….. liên hiệp hợp tác xã; trong đó, có khoảng … hợp tác xã nông nghiệp, ….. liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, … hợp tác xã thương mại, …. liên hiệp hợp tác xã thương mại ….?

- Các mục tiêu khác: …

b) Về mục tiêu đến năm 2030:

- Tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ phát triển khoảng … Tổ hợp tác; ..... hợp tác xã; ….. liên hiệp hợp tác xã; trong đó, có khoảng … hợp tác xã nông nghiệp, ….. liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, … hợp tác xã thương mại, …. liên hiệp hợp tác xã thương mại ….?

- Các mục tiêu khác: …

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Giải pháp về hoàn thiện cơ cấu tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã, các tổ chức chính trị - xã hội liên quan đến kinh tế tập thể hợp tác xã để nâng cao hiệu quả quản lý, tư vấn, hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Giải pháp về đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Giải pháp về hỗ trợ, xây dựng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

6. Giải pháp về tư vấn, hỗ trợ các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

7. Giải pháp về hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho sản phẩm nông nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm truyền thống của các liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân.

8. Giải pháp về tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước và thị trường để hỗ trợ các mô hình hợp tác xã sản xuất gắn với chuỗi giá trị làm cơ sở để triển khai nhân rộng.

9. Giải pháp về bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai thông qua mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

10. Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

11. Các giải pháp khác: ….

Phần thứ bốn
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Ban Chấp hành Trung ương

2. Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- Bộ Chính trị ban hành Kết luận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết, trên cơ sở đã bổ sung, sửa đổi các nội dung cho phù hợp với thực tiễn;

- Ban Bí thư thường xuyên theo dõi, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Các kiến nghị khác: ….

3. Đảng đoàn Quốc hội

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hợp tác xã 2012;

- Dành khoản ngân sách nhất định hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đặc biệt hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp;

- Các kiến nghị khác: ....

4. Ban cán sự Đảng Chính phủ, các bộ, ngành

- Chính phủ: Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tăng cường chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Các bộ, ngành: Ban hành đồng bộ, đầy đủ các văn bản hướng dẫn chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với hợp tác xã;

- Hàng năm, dành khoản kinh phí nhất định cho thực hiện chính sách hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Các kiến nghị khác: ....

5. Các Ban Đảng ở trung ương

- Ban Kinh tế Trung ương: Chỉ đạo, hướng dẫn đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã trong hệ thống chính trị cả nước;

- Ban Tuyên giáo Trung ương: Quan tâm chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trường chính trị có chương trình giảng dạy về kinh tế tập thể, hợp tác xã; chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền về vai trò, vị trí, bản chất, giá trị, nguyên tắc hoạt động và những đóng góp của hợp tác xã kiểu mới;

- Các kiến nghị khác: ....

6. Đảng đoàn Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, thành viên, hội viên của mình tham gia xây dựng phát triển hợp tác xã kiểu mới;

- Đổi mới công tác phối hợp với các cơ quan quản lý hợp tác xã ở trung ương và địa phương để nâng cao hơn nữa công tác phối hợp;

- Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tập trung tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, thành viên, người lao động trong toàn hệ thống trên cơ sở đổi mới phương thức hoạt động cơ cấu lại hệ thống các trường đào tạo, các trung tâm sẵn có của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam để hỗ trợ hợp tác xã phù hợp với điều kiện và tình hình mới;

- Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Các kiến nghị khác: ....

7. Thành ủy, Tỉnh ủy ở địa phương

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, phổ biến, hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách về kinh tế tập thể, hợp tác xã;

- Các kiến nghị khác: ….

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Vương Đình Huệ

Phụ lục I

CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC

(Ban hành kèm theo Đề cương tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể tại Quyết định số 212/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	01/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
I	**HỢP TÁC XÃ**								
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%							
2	Tổng số hợp tác xã	HTX							
	Trong đó:								
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX							
	Số hợp tác xã giải thể	HTX							
	Số hợp tác xã hoạt động hiệu quả	HTX							
3	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người							
	Trong đó:								
	Số thành viên mới	Thành viên							
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên							
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên							
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên							
4	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Thành viên							
	Trong đó:								
	Số lao động thường xuyên mới	Người							
	Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	01/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
5	Tổng vốn hoạt động của hợp tác xã	Triệu đồng							
6	Tổng giá trị tài sản hợp tác xã	Triệu đồng							
7	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Triệu đồng/năm							
	Trong đó:								
	Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Triệu đồng/năm							
8	Lãi bình quân một hợp tác xã	Triệu đồng/năm							
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Triệu đồng/năm							
10	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người							
	Trong đó:								
	Số cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người							
	Số cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người							
11	Số cán bộ hợp tác xã được đóng bảo hiểm xã hội	Người							
II	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**								
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX							
	Trong đó:								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	01/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
	Số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới	LH HTX							
	Số liên hiệp hợp tác xã giải thể	LH HTX							
	Số liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả	LH HTX							
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX							
3	Tổng số lao động trong liên hiệp hợp tác xã	Người							
4	Tổng vốn hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng							
5	Tổng giá trị tài sản liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng							
6	Doanh thu bình quân một liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng/năm							
7	Lãi bình quân một liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng/năm							
III	**TỔ HỢP TÁC**								
1	Tổng số Tổ hợp tác	THT							
	Trong đó:								
	Số Tổ hợp tác có đăng ký thành lập	THT							
2	Số Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả	THT							
3	Tổng số thành viên	Thành viên							
4	Doanh thu bình quân một Tổ hợp tác	Triệu đồng/năm							
5	Lãi bình quân một Tổ hợp tác	Triệu đồng/năm							

Phụ lục II

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ

(Ban hành kèm theo Đề cương tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể tại Quyết định số 212/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	01/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
I	**HỢP TÁC XÃ**								
	Tổng số hợp tác xã	HTX							
	Chia ra:								
1	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX							
2	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX							
3	Hợp tác xã xây dựng	HTX							
4	Hợp tác xã tín dụng	HTX							
5	Hợp tác xã thương mại	HTX							
6	Hợp tác xã vận tải	HTX							
7	Hợp tác xã môi trường	HTX							
8	Hợp tác xã nhà ở	HTX							
9	Hợp tác xã khác	HTX							
II	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**								
	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	LHHTX							
	Chia ra:								
1	Liên hiệp hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX							

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2003	01/7/2013	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
2	Liên hiệp hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX							
3	Liên hiệp hợp tác xã xây dựng	LHHTX							
4	Liên hiệp hợp tác xã tín dụng	LHHTX							
5	Liên hiệp hợp tác xã thương mại	LHHTX							
6	Liên hiệp hợp tác xã vận tải	LHHTX							
7	Liên hiệp hợp tác xã môi trường	LHHTX							
8	Liên hiệp hợp tác xã nhà ở	LHHTX							
9	Liên hiệp hợp tác xã khác	LHHTX							
III	**TỔ HỢP TÁC**								
	Tổng số Tổ hợp tác	THT							
	Chia ra:								
1	Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT							
2	Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT							
3	Tổ hợp tác xây dựng	THT							
4	Tổ hợp tác thương mại	THT							
5	Tổ hợp tác vận tải	THT							
6	Tổ hợp tác môi trường	THT							
7	Tổ hợp tác nhà ở	THT							
8	Tổ hợp tác khác	THT							